TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 177/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 05/9/2022
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*:* Ông **Nguyễn Xuân Trường**.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Phạm Thị Nguyên**.

Ông **Hoàng Sĩ Quang**.

- T ký phiên tòa: Bà **Vũ Thị Huyền -** T ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà **Phạm Thị Thùy** - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 205/2022/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2022, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 242/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 146/2022/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2022, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị **Vũ Thị H**, sinh năm 1988.

ĐKHKTT: Thôn D, xã N, huyện K, tỉnh Hải Dương.

Chỗ ở hiện nay: thị trấn P, huyện K, tỉnh Hải Dương.

Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh **Phùng Văn H1**, sinh năm 1987.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn D, xã N, huyện K, tỉnh Hải Dương. Hiện đang cư trú tại: Hàn Quốc.

Vắng mặt và đề nghị xét xử vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Phùng Văn D**, sinh năm 1965.

ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn D, xã N, huyện K, tỉnh Hải Dương.

Vắng mặt và đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn chị Vũ Thị H trình bày: Chị và anh Phùng Văn H1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã N, huyện K, tỉnh Hải Dương vào ngày 11/5/2007. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, quan điểm sống bất đồng, mâu thuẫn vợ chồng kéo dài không có biện pháp tháo gỡ khiến tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không quan tâm đến nhau và không muốn chung sống với nhau. Tháng 3/2019, anh H1 đi lao động tại Hàn Quốc, thỉnh thoảng anh có liên lạc về nhà nhưng chỉ để hỏi thăm con cái, tình cảm vợ chồng không được cải thiện nên tháng 8/2020, chị về nhà bố mẹ đẻ ở. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị cũng đã liên lạc với anh H1, anh H1 cũng nhất trí ly hôn. Do vậy, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn anh Phùng Văn H1.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Phùng Thị Ngọc L, sinh ngày 08/10/2008; Phùng Đức L1, sinh ngày 09/10/2010 và Phùng Anh T, sinh ngày 03/7/2016, hiện các con đang ở với ông Phùng Văn D. Ly hôn, chị và anh H1 đã thống nhất anh H1 có trách nhiệm nuôi dưỡng, chăm sóc cả 3 con chung cho đến khi các con thành niên, về việc cấp dưỡng tiền nuôi con anh chị tự thống nhất, thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trong thời gian anh H1 không có mặt tại Việt Nam chị nhất trí để ông D thay anh H1 chăm sóc cả 03 con cho đến khi anh về nước.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị xác định vợ chồng không có tài sản chung cũng như không có nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do chị H không cung cấp được địa chỉ của anh H1 nên Tòa án đã tiến hành xác minh tại gia đình anh H1. Ông Phùng Văn D (bố đẻ anh H1) trình bày: Ông không biết địa chỉ cụ thể của anh H1 ở nước ngoài nên không cung cấp cho Tòa án được. Tuy nhiên anh H1 vẫn Tòng xuyên liên lạc với gia đình qua điện thoại. Ông đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo cho anh H1 biết, anh H1 xác định vợ chồng sống ly thân từ lâu, tình cảm vợ chồng không còn, không ai quan tâm đến ai. Nay chị H có đơn xin ly hôn, anh hoàn toàn nhất trí. Anh xác định vợ chồng có 03 con chung như chị H trình bày là đúng, anh đề nghị được nuôi dưỡng cả 03 con chung cho đến khi các con thành niên, anh tự nguyện không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Trong thời gian anh không có mặt tại Việt Nam anh nhờ bố đẻ là ông Phùng Văn D thay anh chăm sóc cả 03 con chung cho đến khi anh về nước. Anh xác định không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Phùng Văn D nhất trí thay anh Phùng Văn H1 chăm sóc cháu Phùng Thị Ngọc L, cháu Phùng Đức L1 và cháu Phùng Anh T cho đến khi anh H1 về nước.

Tòa án đã thực hiện việc lấy lời khai con chung của chị H và anh H1 là cháu Phùng Thị Ngọc L và cháu Phùng Đức L1, tuy nhiên các cháu không thể hiện quan điểm, nguyện vọng được ở với ai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Thẩm phán, T ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56; 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Tòng vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Vũ Thị H ly hôn anh Phùng Văn H1. Về con chung: Giao các con chung Phùng Thị Ngọc L, Phùng Đức L1 và Phùng Anh T cho anh H1 chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các con thành niên. Chị H không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Tạm giao 03 con chung cho ông Phùng Văn D chăm sóc, nuôi dưỡng trong thời gian anh H1 không có mặt tại Việt Nam. Chị H phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn chị Vũ Thị H sinh sống ở Việt Nam, bị đơn anh Phùng Văn H1 có nơi cư trú cuối cùng trước khi xuất cảnh ở thôn Dưỡng Mông, xã Ngũ Phúc, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương, hiện anh H1 đang lao động tại Hàn Quốc. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị H không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh H1. Tòa án đã nhiều lần yêu cầu gia đình anh H1 cung cấp địa chỉ nhưng gia đình không cung cấp được. Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho ông D là bố anh H1 để thông báo về việc Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn giữa chị H và anh H1 đồng thời tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Ông D vẫn Tòng xuyên liên lạc với anh H1 và đã thông báo việc Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn giữa chị H và anh H1. Tại phiên tòa, chị H vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, thông qua gia đình anh H1 và ông D cũng có quan điểm đề nghị giải quyết vắng mặt. Do vậy, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị H và anh Phùng Văn H1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã N, huyện K, tỉnh Hải Dương vào ngày 11/5/2007 là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là tính tình vợ chồng không hợp, quan điểm sống bất đồng, mâu thuẫn kéo dài không có biện pháp hàn gắn, tháo gỡ. Năm 2019 anh H1 đi lao động tại Hàn Quốc, năm 2020 chị bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng mỗi người sống một nơi không ai quan tâm đến ai. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H1. Thông qua gia đình anh H1 cũng xác định quá trình chung sống vợ chồng nảy sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng, vợ

chồng không còn tình cảm và không quan tâm đến nhau từ lâu nên anh nhất trí ly hôn. Hội đồng xét xử thấy, mâu thuẫn giữa chị H và anh H1 đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị Vũ Thị H và anh Phùng Văn H1 có 03 con chung là Phùng Thị Ngọc L, sinh ngày 08/10/2008; Phùng Đức L1, sinh ngày 09/10/2010 và Phùng Anh T, sinh ngày 03/7/2016, hiện các con đang ở với ông D. Chị H và anh H1 cùng thống nhất anh H1 có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng cả 03 con chung cho đến khi các con thành niên, anh H1 tự nguyện không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Anh H1 ủy quyền cho ông Phùng Văn D chăm sóc các con chung cho đến khi anh về nước. Hội đồng xét xử thấy, thỏa thuận của các đương sự phù hợp với thực tế và phù hợp với quy định của pháp luật, do vậy cần chấp nhận thỏa thuận của anh chị. Tạm giao các con Phùng Thị Ngọc L, Phùng Đức L1 và Phùng Anh T cho ông D nuôi dưỡng trong thời gian anh H1 không có mặt tại Việt Nam.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị H, anh H1 xác định không có tài sản chung, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị Vũ Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (về Hôn nhân gia đình) theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51; 56; 81; 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Tòng vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Vũ Thị H ly hôn anh Phùng Văn H1.

2. Về quan hệ nuôi con: Xử giao cho anh Phùng Văn H1 được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Phùng Thị Ngọc L, sinh ngày 08/10/2008; Phùng Đức L1, sinh ngày 09/10/2010 và Phùng Anh T, sinh ngày 03/7/2016 cho đến khi các con tròn 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của anh H1 tạm thời không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Tạm giao con chung Phùng Thị Ngọc L, Phùng Đức L1 và Phùng Anh T cho ông Phùng Văn D nuôi dưỡng trong thời gian anh H1 không có mặt tại Việt Nam.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Vũ Thị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (về Hôn nhân gia đình) và được đối trừ số tiền tạm ứng án

phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0001095 ngày 29/6/2022 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Vũ Thị H và ông Phùng Văn D được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Anh Phùng Văn H1 được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- *VKSND tỉnh Hải Dương;*
- *Các đương sự;*
- *Cục THADS tỉnh Hải Dương;*
- *UBND xã N, huyện K, tỉnh Hải Dương;*
- *Lưu hồ sơ, VP, Tòa GĐ&NCTN*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Xuân Trường